

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
THÔNG TIN CHUNG	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tổ nhân dân Đăng Châu, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sơn Dương được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-CT ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tuyên Quang. Mã số doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh lần thứ nhất là 5000128048. Theo quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 v/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31/12/2016 thì Công ty có vốn điều lệ 24.260.488.514 đồng. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục đăng ký kinh doanh về vốn điều lệ mới.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ nhân dân Đăng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Vi Thị Hồng

Giám đốc

Nguyễn Tiến Khanh

Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Khanh - Giám đốc Công ty. Ông Nguyễn Tiến Khanh - Phó Giám đốc Công ty là người được ủy quyền ký báo cáo này.

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 30. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Tiên Khanh

Phó Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2018



THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIỂM TOÁN QUỐC TẾ EURA AUDIT INTERNATIONAL
MEMBER OF EURA AUDIT INTERNATIONAL



Số : 034/2018/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã thực hiện thủ tục gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả cho khách hàng của Công ty, tuy nhiên tới thời điểm này chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận từ phía khách hàng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản mục này trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 cũng như ảnh hưởng của nó tới các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc cùng ngày.

CHI NHÁNH HÀ NỘI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Trụ sở chính: Số 17, ngõ 36/4, phố Lương Đình Của, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84-4) 666.40423 * Fax: (+84-4) 666.40423 * Hotline: 0979 293 888

Website: www.hvac.com.vn * Email: tinhtb.hvac@gmail.com / cnhn.hvac@gmail.com

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Tinh

Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0295-2013-146-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HÙNG VƯƠNG

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Lê Thị Liên

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1917-2013-146-1

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNGThị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên
Quang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.130.962.094	46.913.261.128
I- Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	124.761.161	72.307.207
1. Tiền	111		124.761.161	72.307.207
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.846.263.752	7.929.144.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.281.941.447	6.283.251.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		V.3	76.570.000	106.300.000
	132			
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.487.752.305	1.539.593.382
III- Hàng tồn kho	140	V.5	19.159.889.666	38.870.166.773
1. Hàng tồn kho	141		19.159.889.666	38.870.166.773
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		47.515	41.642.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	41.642.666
2. Thuế và các khoản khác phải thu	153	V.11	47.515	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.928.767.166	5.143.756.947
I- Tài sản cố định	220	V.6	5.843.611.366	5.115.451.947
1. Tài sản cố định hữu hình	221		5.843.611.366	5.115.451.947
- Nguyên giá	222		8.609.249.699	7.416.500.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.765.638.333)	(2.301.048.683)
II- Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	131.626.766	28.305.000
1. Đầu tư dài hạn khác	253		131.626.766	28.305.000
III- Tài sản dài hạn khác	260		953.529.034	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	953.529.034	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.059.729.260	52.057.018.075

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		7.186.008.115	41.730.245.097
I- Nợ ngắn hạn	310		4.706.008.115	40.310.445.540
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	618.739.850	2.800.800.000
2. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.11	119.331.152	333.089.257
3. Phải trả người lao động	314		1.264.762.280	32.337.806.258
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	2.345.254.264	4.069.428.414
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		357.920.569	769.321.611
II- Nợ dài hạn	330		2.480.000.000	1.419.799.557
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	2.480.000.000	1.419.799.557
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24.873.721.145	10.326.772.978
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.13	24.873.721.145	10.326.772.978
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.587.261.492	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.587.261.492	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		286.459.653	326.772.978
3. LNST chưa phân phối	421		-	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(954.865.511)	(1.089.243.259)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		954.865.511	1.089.243.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.059.729.260	52.057.018.075

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh

Phó Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Tyhm/2

Nguyễn T. Khanh và

[Signature]

Nguyễn Trung Thành



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNGThị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên
Quang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	28,711,308,517	28,239,220,917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28,711,308,517	28,239,220,917
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	24,409,574,226	23,678,045,713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,301,734,291	4,561,175,204
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19,611,132	83,699,438
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3,172,144,298	3,206,384,648
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,149,201,125	1,438,489,994
11. Thu nhập khác	31	VI.4	44,380,763	35,569,301
12. Chi phí khác	32	VI.4	-	57,440,037
13. Lợi nhuận khác	40		44,380,763	(21,870,736)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,193,581,888	1,416,619,258
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	238,716,377	327,375,999
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		954,865,511	1,089,243,259

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh

Phó Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2018

[Signature]
Nguyễn T. Khanh và

[Signature]
Nguyễn Tiến Khanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 Mẫu B 03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1,193,581,888	1,416,619,258
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	464,589,650	260,283,012
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19,611,132)	
2. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1,638,560,406	1,676,902,270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2,082,880,730	(5,537,297,252)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	19,710,277,107	(4,038,056,761)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)	11	(36,138,341,262)	7,123,341,679
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(911,886,368)	302,577,883
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(476,587,679)	(55,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14,095,097,066)	(527,532,181)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,192,749,069)	(55,530,000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19,611,132	83,699,438
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,173,137,937)	28,169,438
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	14,260,488,514	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,480,000,000	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1,419,799,557)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15,320,688,957	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	52,453,954	(499,362,743)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	72,307,207	571,669,950
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	124,761,161	72,307,207

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh

Phó Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Hoàn



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Sơn Dương được thành lập theo Quyết định số 175/QĐ-CT ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Tuyên Quang. Mã số doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh lần thứ nhất là 5000128048. Theo quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 v/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương tại ngày 31/12/2016 thì Công ty có vốn điều lệ 24.260.488.514 đồng. Hiện tại, Công ty đang làm thủ tục đăng ký kinh doanh về vốn điều lệ mới.

Trụ sở chính của Công ty tại tổ nhân dân Đảng Châu, Thị trấn Sơn Dương, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang

2. Lĩnh vực kinh doanh.

- ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- ✓ Ươm giống cây lâm nghiệp;
- ✓ Khai thác gỗ có nguồn gốc hợp pháp;
- ✓ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- ✓ Buôn bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến có nguồn gốc hợp pháp (trừ các loại gỗ nhà nước cấm).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá mười hai tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

- 5.1. Công ty hoạt động duy nhất tại trụ sở chính, Có hai công ty con và một Công ty liên kết

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.

Các thông tin và số liệu kế toán trong năm tài chính 2017 được trình bày mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16 người.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.****1. Kỳ kế toán năm.**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**1. Chế độ kế toán áp dụng.**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng. (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.**

Công ty không áp dụng nội dung này.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:
- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Công ty đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hoặc tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả:
- Công ty đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

Công ty không áp dụng nội dung này.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Công ty không áp dụng nội dung này.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**

đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;
 - Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
 - Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.
 - Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho.
 - ✚ *Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.*
 - ✚ *Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.*
 - ✚ *Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.*
 - ✚ *Chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp.*
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
 - Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm

9. *Bất động sản đầu tư.*

Công ty không áp dụng nội dung này.

10. *Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.*

Công ty không áp dụng nội dung này.

11. *Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác

Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước.

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

12. *Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.*

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Các khoản nợ có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn, các khoản nợ có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

13. *Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Công ty không áp dụng nội dung này.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.

Công ty không áp dụng nội dung này.

18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.

Công ty không áp dụng nội dung này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu vốn khác của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh do các cổ đông Công ty mẹ góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng;

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau.

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính;

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức

- Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, Cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng cổ đông, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
- Thu nhập khác.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực này bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)**

- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- ...
- Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng.

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính.

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm.

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng phát sinh là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG. (Tiếp theo)

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế Giá trị gia tăng, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)
 - Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động kinh doanh chính.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.
 - Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế khác
 - Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

26. Nguyên tắc kế toán Lãi trên cổ phiếu.

Công ty không áp dụng nội dung này.

27. Nguyên tắc kế toán các bên liên quan.

- Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

28. Nguyên tắc kế toán Báo cáo bộ phận.

Công ty không áp dụng nội dung này.

29. Nguyên tắc kế toán ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công ty không áp dụng nội dung này.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP SƠN DƯƠNG

Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	67,284,592	4,661,545
Tiền gửi ngân hàng	57,476,569	67,645,662
Cộng	124,761,161	72,307,207

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	3,281,941,447	6,283,251,100
<i>Công ty cổ phần giấy An Hòa</i>	<i>123,855,500</i>	<i>740,393,000</i>
<i>Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Chiêm Hóa</i>	<i>107,421,600</i>	<i>107,421,600</i>
<i>Công ty TNHH Cường mai</i>	<i>30,000,000</i>	<i>70,000,000</i>
<i>Công ty TNHH Sao Việt Tuyên Quang</i>	<i>1,996,624,000</i>	-
<i>Triệu Kim Châu</i>	<i>8,655,347</i>	-
<i>Chi nhánh VIETTEL Tuyên Quang - TĐ Viễn</i>	<i>9,600,000</i>	<i>9,600,000</i>
<i>Thông Quân đội</i>		
<i>Công ty Cổ phần Woodsland Tuyên Quang</i>	<i>1,005,785,000</i>	<i>5,168,340,000</i>
<i>Khác</i>	-	<i>187,496,500</i>
Cộng	3,281,941,447	6,283,251,100

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	<i>76,570,000</i>	<i>106,300,000</i>
<i>Công ty cổ phần giống cây trồng Phong Châu</i>	<i>22,000,000</i>	-
<i>Viện Nghiên cứu cây NLG</i>	<i>54,570,000</i>	-
<i>DNTN Công Nam Phú Thọ</i>	-	<i>50,000</i>
<i>Trung Tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi Trường</i>	-	<i>65,000,000</i>
<i>Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam</i>	-	<i>41,250,000</i>
Cộng	76,570,000	106,300,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Mẫu B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
a) Ngắn hạn	2,487,752,305	-	1,539,593,382	-
- Tạm ứng	2,355,838,551	-	1,331,116,623	-
- Phải thu khác.	131,913,754	-	208,476,759	-
+ Khác	131,913,754	-	208,476,759	-
Cộng	2,487,752,305	-	1,539,593,382	-

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
Nguyên liệu, vật liệu	56,925,200	-	41,535,000	-
Công cụ, dụng cụ	1,325,000	-	1,330,000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18,215,175,686	-	38,634,924,297	-
Thành phẩm	886,463,780	-	192,377,476	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	19,159,889,666	-	38,870,166,773	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư 01/01/2017	6,211,255,630	148,540,000	533,241,100	523,463,900	7,416,500,630
Tăng trong năm	899,880,269	26,248,250	266,620,550	-	1,192,749,069
Mua trong năm	899,880,269	26,248,250	266,620,550	-	1,192,749,069
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2017	7,111,135,899	174,788,250	799,861,650	523,463,900	8,609,249,699
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2017	1,645,369,388	96,265,000	533,241,100	26,173,195	2,301,048,683
Tăng trong năm	345,213,327	3,075,000	90,128,128	26,173,195	464,589,650
Khấu hao trong năm	345,213,327	3,075,000	90,128,128	26,173,195	464,589,650
Số dư 31/12/2017	1,990,582,715	99,340,000	623,369,228	52,346,390	2,765,638,333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	4,565,886,242	52,275,000	-	497,290,705	5,115,451,947
Tại ngày 31/12/2017	5,120,553,184	75,448,250	176,492,422	471,117,510	5,843,611,366

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)	-	41,642,666
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	-	41,642,666
b) Dài hạn	953,529,034	-
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>	<i>953,529,034</i>	<i>-</i>
- Chi phí định giá tài sản	82,500,000	-
- Chi phí lập quy hoạch sử dụng đất	190,962,332	-
- Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	680,066,702	-
Cộng	953,529,034	41,642,666

8. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần mía đường với số tiền 131.626.766 đồng tại thời điểm 31/12/2017 giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được đánh giá cao hơn giá trị ghi sổ kế toán.

9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,345,254,264	4,069,428,414
<i>Các khoản khác</i>	<i>2,345,254,264</i>	<i>4,069,428,414</i>
Cộng	2,345,254,264	4,069,428,414

MÃU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	618,739,850	618,739,850	2,800,800,000	2,800,800,000
Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH kiểm toán Hùng Vương	66,000,000	66,000,000	60,500,000	60,500,000
Lâm Văn Dìn	87,794,700	87,794,700	233,812,500	233,812,500
Nguyễn Văn Quang	221,898,000	221,898,000	-	-
Vũ Cao Thế	139,927,350	139,927,350	230,362,500	230,362,500
Vương Văn Đối	103,119,800	103,119,800	-	-
Đinh Duy Chung	-	-	230,862,500	230,862,500
Đào Văn Lê	-	-	115,837,500	115,837,500
Hoàng Văn Hiệp	-	-	138,250,000	138,250,000
Mai Thị Cúc	-	-	459,250,000	459,250,000
Nguyễn Đăng Giới	-	-	109,112,500	109,112,500
Nguyễn Văn Trường	-	-	484,137,500	484,137,500
Vì Thị Nga	-	-	126,150,000	126,150,000
Vương Văn Đại	-	-	154,287,500	154,287,500
Phải trả khác	-	-	458,237,500	458,237,500
Cộng	618,739,850	618,739,850	2,800,800,000	2,800,800,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2017 VND	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017 VND
a) Phải nộp (chỉ tiết theo từng loại thuế)				
Thuế giá trị gia tăng	102,598,075	212,556,791	175,562,059	65,603,343
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,733,077	238,716,377	476,587,679	254,604,379
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	2,467,204	2,467,204
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	152,880,200	152,880,200	-
Các loại thuế khác	-	2,244,900	2,244,900	-
Cộng	119,331,152	606,398,268	809,742,042	333,089,257
	31/12/2017 VND	Số phát sinh	Số đã thu được trong năm	01/01/2017 VND
b) Phải thu (chỉ tiết theo từng loại thuế)				
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	47,515	47,515	-	-
Cộng	47,515	47,515	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2017 VND	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	01/01/2017 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ
Các khoản nợ dài hạn	2,480,000,000	2,480,000,000	1,419,799,557
Cộng	2,480,000,000	2,480,000,000	1,419,799,557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	10.000.000.000	326.772.978	-	10.326.772.978
Tăng vốn trong năm nay	14.260.488.514	-	-	14.260.488.514
Lãi trong năm nay	-	-	954.865.511	954.865.511
Kết chuyển nguồn	326.772.978	(326.772.978)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(668.405.858)	(668.405.858)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	286.459.653	(286.459.653)	-
Số dư tại 31/12/2017	24.587.261.492	286.459.653	-	24.873.721.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn góp của Nhà nước	24.873.721.145	10.000.000.000
Cộng	24.873.721.145	10.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.000.000.000	10.000.000.000
Tăng vốn năm nay	14.873.721.145	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	24.873.721.145	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
a) Doanh thu	28,711,308,517	28,239,220,917
Doanh thu bán hàng	28,711,308,517	28,239,220,917
Cộng	28,711,308,517	28,239,220,917

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng đã bán	24,409,574,226	23,678,045,713
Cộng	24,409,574,226	23,678,045,713

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19,611,132	83,699,438
Cộng	19,611,132	83,699,438

4. CHI PHÍ KHÁC - THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản khác	44,380,763	35,569,301
Cộng	44,380,763	35,569,301

Chi phí khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Xử lý công nợ phải thu khó đòi	-	57,440,037
Lợi nhuận khác	-	57,440,037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)****5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	3,172,144,298	3,206,384,648
Chi phí nhân viên	1,921,042,042	1,848,380,892
Chi phí dụng cụ đồ dùng	13,697,167	91,565,035
Chi phí Khấu hao TSCĐ	323,753,036	176,026,996
Thuế, phí và lệ phí	160,765,100	153,189,100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206,575,417	211,476,315
Chi phí bằng tiền khác	546,311,536	725,746,310
Cộng	3,172,144,298	3,206,384,648

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	238,716,377	327,375,999
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	238,716,377	327,375,999

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác nhau và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

2. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty đã thận trọng nhận định rằng không tồn tại các sự kiện không có trong kế hoạch hoặc chưa được dự tính, dẫn đến khả năng có thể thu được lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp để trình bày phần thuyết minh Báo cáo tài chính là một tài sản tiềm tàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 “Dự phòng, Tài sản và Nợ tiềm tàng”.

3. THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính năm nay.

5. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 do Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán Hùng Vương kiểm toán đã được điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế, Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2016. Dữ liệu tương ứng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập lại theo phương pháp gián tiếp để thuận tiện cho việc so sánh với dữ liệu tương ứng kỳ này.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Khanh

Phó Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Nguyễn T. Khải và

Nguyễn Trung Thành



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Tiếp theo)**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,193,581,888	1,416,619,258
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	47,025,706
Các khoản chi không được trừ		47,025,706
Tổng thu nhập chịu thuế	1,193,581,888	1,463,644,964
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	238,716,377	327,375,999
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	238,716,377	327,375,999

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,139,196,364	1,078,265,908
Chi phí nhân công	9,270,568,871	16,648,938,539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	464,589,650	260,283,012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206,575,417	533,357,911
Chi phí khác bằng tiền	546,311,536	2,440,330,092
Cộng	11,627,241,838	20,961,175,462

